

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST

Ngày: 27-01-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu.
2. Ông Nguyễn Văn Đoàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 157/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11A/2021/HSST-QĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đào Văn L, sinh năm 2000 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số 229, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Cảnh - sinh năm 1976 và bà Phạm Thị Lệ Thu – sinh năm 1976; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị bắt ngày 28/4/2021 và đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Đ cho đến nay “có mặt”.

2. Nguyễn Đình T, sinh năm 1993 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Tâm - sinh năm 1968 và bà Cao Thị Hương – sinh năm 1969; có vợ Hồ Thị Thùy Trang – sinh năm 1988 và 01 người con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Vào ngày 28/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt Nguyễn Đình T 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2016.

Bị bắt ngày 26/8/2021 và đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Đ cho đến nay “có mặt”.

- *Bị hại:* Anh Trần Văn H – sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp Hoà Thành, xã Ngọc Định, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Ngọc D – sinh năm 1974, nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai “vắng mặt”.

2/ Anh Phạm Văn C – sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/10/2020, L cùng với T và Tuấn gặp nhau tại phòng trọ của Tuấn gần khu vực trường Trung học phổ thông T Phú. Tại đây, T nói với L và Tuấn là muốn đi mua chậu cây kiểng về trồng cây nên L đã dẫn Tuấn và T đến xưởng đúc chậu bê tông của anh Trần Văn H ở tổ 7, ấp Hoà Thành, xã Ngọc Định, huyện Đ. Khi đi đến xưởng đúc chậu bê tông của anh Hoà thì T điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở L và Tuấn, đến nơi cả 03 phát hiện xưởng của anh Hoà không có người trông coi nên cả ba nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh Hoà. Ngay lúc này, có anh Nguyễn Ngọc D điều khiển xe ba gác đi tới nên T ra gọi anh Dũng dừng lại chở dùm mấy chậu cây kiểng về xã Gia Canh. Anh Dũng đồng ý, T và Tuấn đi vào trong xưởng lấy trộm 05 chậu bê tông kích thước 50x60cm, 01 chậu bê tông kích thước 25x65cm, L đứng ngoài canh chừng. Sau khi lấy được tài sản thì L và T quay về nhà do T thuê tại xã Gia Canh trước, còn Tuấn cùng anh Dũng chở 02 chậu bê tông vào nhà anh Phạm Văn C, sinh năm 1982, trú tại ấp Hoà Đồng, xã Ngọc Định, đến nhà anh Cường, Tuấn và anh Dũng khiêng 02 chậu bê tông để trước phía trước, còn lại 03 chậu bê tông và 01 chậu thì anh Dũng tiếp tục chở vào nhà của T ở xã Gia Canh để. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, L và Tuấn tiếp tục quay lại xưởng đúc chậu của anh Hoà lấy trộm 01 mô tơ gắn trên máy trộn bê tông rồi cả 02 chở tài sản trộm cắp về nhà T cất giấu. Tiếp tục vào khoảng 22 giờ ngày 04/10/2020, L cùng với T quay lại xưởng của anh Hoà trộm cắp thêm 01 máy hàn và 03 khuôn đúc chậu bằng nhựa của anh Hoà, rồi mang về nhà T cất giấu.

Tại Cơ quan điều tra Đào Văn L và Nguyễn Đình T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tài sản thiệt hại:

- 05 chậu bê tông kích thước 50x60cm.
- 01 đế chậu bê tông kích thước 25x60cm.
- 01 mô tơ hiệu Toàn Phát (2HP).
- 01 máy hàn hiệu Thành Ký (180AP).
- 03 khuôn đúc chậu (gồm: 02 khuôn đúc chậu loại lục giác cao 50cm, rộng 60cm và 01 khuôn đúc đế chậu loại lục giác cao 25cm, rộng 60cm).

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản ngày 27/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 6.450.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 171/CT-VKSĐQ ngày 10 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Đào Văn L, Nguyễn Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bị cáo Đào Văn L, Nguyễn Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt: Bị cáo Đào Văn L, Nguyễn Đình T từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Kiểm sát viên còn nêu quan điểm xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, các vấn đề khác và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Các bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo:

Căn cứ vào bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và sự thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian khoảng thời gian từ ngày 02/10/2020 và 04/10/2020, Đào Văn L, Nguyễn Đình T và đối tượng Tuấn đã có hành vi lén lút vào xưởng đúc chậu bê tông của anh Trần Văn H ở tổ 7, ấp Hòa Thành, xã Ngọc Định, huyện Đ trộm cắp 05 chậu bê tông kích thước 50x60cm, 01 đế chậu bê tông kích thước 25x60cm, 01 mô tơ nhãn hiệu Toàn Phát (2HP), 01 máy hàn nhãn hiệu Thành Ký (180AP), 03 khuôn đúc chậu. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 6.450.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo Đào Văn L, Nguyễn Đình T đã có đủ dấu hiệu về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 171/CT-VKSĐQ ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Đào Văn L, Nguyễn Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo Đào Văn L, Nguyễn Đình T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử với mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và răn đe phòng ngừa chung.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo L và T đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T ngoài việc trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội còn có nhân thân xấu, bị cáo L trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội hai lần nên mức hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo L là bằng nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; riêng bị cáo L còn được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo là lao động chính trong gia đình, tài sản trộm cắp đã thu hồi được, bị cáo T có con còn nhỏ, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với các tài sản có 05 chậu bê tông, 01 đế chậu, 01 mô tơ, 01 máy hàn, 03 khuôn đúc chậu đã thu hồi, Công an đã ra quyết định trao trả cho anh Hòa và anh Hòa đã nhận lại các tài sản nêu trên không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Anh Trần Văn Hoà khai nhận anh bị mất 10 chậu bê tông, 01 mô tơ, 01 máy hàn, 03 khuôn đúc chậu. Quá trình điều tra làm việc với T và L thì cả 02 đều khai nhận trộm cắp tài sản của anh Hoà gồm có 05 chậu bê tông, 01 đế chậu, 01 mô tơ, 01 máy hàn, 03 khuôn đúc chậu, việc khai nhận của T và L phù hợp với số lượng vật chứng đã thu giữ nên không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án:

- 05 chậu bê tông kích thước 50x60cm, 01 đế chậu bê tông kích thước 25x60cm, 01 mô tơ hiệu Toàn Phát (2HP), 01 máy hàn nhãn Thành Ký (180AP), 03 khuôn đúc chậu. Đây là tài sản của anh Trần Đình Hòa nên trả lại cho anh Hoà là đúng quy định.

- Đối với xe mô tô (không rõ biển số) T dùng để chở L và Tuấn đi trộm cắp tài sản là của T nhưng đã giao cho Tuấn sử dụng, hiện Tuấn đã bỏ trốn và cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ đã ra thông báo truy tìm vật chứng khi tìm được sẽ xử lý sau.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Nguyễn Ngọc D là người được L và T thuê để chở chậu bê tông. Nhưng anh Dũng không biết số tài sản là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý anh Dũng.

- Đối với việc Tuấn cùng anh Dũng chở vào nhà anh Phạm Văn C 02 chậu bê tông, anh Cường khai nhận không biết sự việc trên đồng thời chưa làm việc được với Tuấn nên Cơ quan điều tra không xử lý anh Cường về hành vi “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Đối với đối tượng tên Tuấn hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo, biện pháp tư pháp và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đào Văn L 08 (tám) tháng 29 (hai mươi chín) ngày thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2021.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Đào Văn L tại phiên tòa, nếu không bị tam giam về một tội phạm khác.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

2. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2021.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Mỗi bị cáo Đào Văn L, Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an H. Đ;
- VKSND H. Đ ;
- CCTHADS H. Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Viễn

